

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 9 – 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nhung;

Ông Trần Văn Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** chị **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: ấp PT, xã PC, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- ***Bị đơn:*** anh **Đặng Văn T**, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: : ấp PT, xã PC, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt có đơn xin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Chị và anh Đặng Văn T chung sống với nhau từ năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/4/2016 tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận B, Tp.HCM. Chị và anh T chung sống hạnh phúc trong thời gian ngắn sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính cách, vợ chồng không hợp nhau nên không có tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hoà, anh T tham gia cờ bạc dẫn đến nợ nần về nhà yêu cầu chị đưa tiền nhưng chị không đưa thì anh T đánh chị nhiều lần, đỉnh điểm là cuối năm 2019 anh T đánh chị dẫn đến việc chị phải uống nước tẩy rửa để kết thúc cuộc đời. May mắn được gia đình đưa

vào bệnh viện cấp cứu với chuẩn đoán bị ngộ độc và chấn thương phần mềm đầu, mặt, hai chi trên do bị anh T đánh và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung tên Đặng Gia P, sinh ngày 09/3/2016. Hiện cháu P đang sống cùng chị. Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Đặng Văn T trình bày:

Anh T thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Thời gian đầu anh và chị N chung sống hạnh phúc, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, anh T nghi ngờ chị N không chung thủy nên có cài đặt ghi âm điện thoại phát hiện vợ nói chuyện với người đàn ông khác để thông báo rằng anh có ở nhà đừng gọi điện thoại, nhắn tin. Do nóng giận anh T có rầy la và vợ chồng xảy ra cãi vã nên anh có đánh chị N thì chị N bỏ đi. Vợ chồng ly thân từ giữa năm 2019 đến nay, anh T nhiều lần liên hệ, năn nỉ nhưng chị N không đồng ý. Anh T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị N chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn, con của anh T là con trai và còn nhỏ, con cũng không muốn cha mẹ ly hôn, bản thân anh T cũng còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn. Hoàn cảnh của anh T có cha mẹ ly hôn từ nhỏ nên anh T không muốn con anh cũng không có cha mẹ. Nay anh T yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm, cùng nhau làm ăn và chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Nay anh T yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Đặng Gia P, sinh ngày 09/3/2016. Không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N đối với anh Đặng Văn T, cho chị N được ly hôn anh T.

Về con chung:

Giao cháu Đặng Gia P, sinh ngày 09/3/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N, anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị N, anh T chung sống từ năm 2016, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N trình bày nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh T là do quan điểm sống không phù hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bên cạnh đó anh T nhiều lần đánh đập chị dẫn đến chị phải uống thuốc tự vẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghi ngờ chị N có quan hệ tình cảm với người khác và do chị N có thách thức nên anh T đánh. Điều này chứng tỏ, anh T thừa nhận có đánh chị N. Chị N và anh T đã ly thân từ giữa năm 2019 đến nay, giữa anh T và chị N không gặp nhau để đặt vấn đề đoàn tụ. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị N và anh T không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: anh T, chị N chung sống có 01 con chung tên Đặng Gia P, sinh ngày 09/3/2016, cháu P đang sống với chị N, bên cạnh đó anh T đang phải chấp hành án tại trại giam AP. Xét yêu cầu được nuôi cháu Đặng Gia P, sinh ngày 09/3/2016 của chị N là có cơ sở. Do đó, cần giao cháu Đặng Gia P, sinh ngày 09/3/2016 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N đối với anh Đặng Văn T. Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: giao cháu Đặng Gia P, sinh ngày 09/3/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị N, anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết

4. Về án phí: chị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026724 ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị N đã nộp đủ án phí.

5. Báo cho chị N biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Ủy ban nhân dân phường A, Quận B.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Minh Tú